

CTCP Xi Măng Hà Tiên 1 (HT1)

MUA

Dương Mỹ Thanh
Chuyên viên

Cập nhật Công nghiệp

Giá mục tiêu	25.600
Giá hiện tại	21.300
Cổ tức bằng tiền mặt	N/A
TL tăng	20,2%
Lợi suất cổ tức	0,0%
Tổng lợi nhuận	20,2%

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hóa (USD)	310 triệu
GTGD bình quân ngày trong 30 ngày qua (USD)	0,23 triệu
Sở hữu của khối ngoại	8,0%
Room tối đa cho khối ngoại	49%
SL cổ phiếu lưu hành	318 triệu
Số CP pha loãng hoàn toàn	318 triệu
Mức cao nhất 12 tháng VNĐ	21.700
Mức thấp nhất 12 tháng VNĐ	9.200

Cơ cấu cổ đông

VICEM	79,70%
Hà Tiên Transport JSC	0,28%
Vietcombank	0,26%
HDQT	0,22%
Khác	19,54%

Thuộc chỉ số (bao gồm ETF)

FTSE VN ALL, VNI

Mô tả công ty

HT1 là công ty con lớn nhất của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) và là công ty sản xuất xi măng lớn nhất tại Việt Nam. Với lịch sử 50 năm hình thành và phát triển, Thương hiệu Hà Tiên với biểu tượng con kỳ lân xanh là thương hiệu rất nổi tiếng đối với người dân sinh sống ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, HT1 luôn là công ty dẫn đầu tại thị trường xi măng miền Nam với 30% thị phần và sở hữu vị thế vô cùng thuận lợi so với các công ty xi măng khác.

Nâng giá mục tiêu và khuyến nghị vì kết quả Quý 1 tốt hơn kỳ vọng với sản lượng bán xi măng cao hơn dự kiến

- Chúng tôi nâng khuyến nghị cho HT1 thành MUA và tăng giá mục tiêu lên 25.600 đồng (từ 22.300 đồng) cùng với việc điều chỉnh dự phóng EPS năm 2015 tăng 10% lên mức 1.847 đồng (tăng 90% so với năm 2014).
- Sản lượng bán xi măng trong quý 1 đạt 1,1 triệu tấn, cao hơn 10% so với dự báo của chúng tôi. Vì quý 1 thường là mùa thấp điểm của ngành xi măng, chúng tôi tin tăng trưởng sẽ mạnh mẽ hơn trong các quý tới và nâng dự báo sản lượng bán xi măng cho năm 2015.
- Chúng tôi bỏ giả định VND trượt giá so với EUR trong năm 2015 vì hiện tại đồng EUR vẫn đang tiếp tục suy yếu.

Sản lượng bán xi măng tốt hơn kỳ vọng bất kể 2 tuần nghỉ lễ Tết Nguyên Đán. Tổng sản lượng xi măng bán ra bao gồm xuất khẩu trong quý 1/2015 đã tăng 13% so với quý 1/2014 đạt 1,1 triệu tấn, cao hơn 10% dự báo quý 1 của chúng tôi. Sản lượng bán xi măng trong nước của HT1 (chiếm khoảng 93% tổng sản lượng bán ra) đã tăng hơn 11% so với quý 1/2014. Trong khi đó, sản lượng bán xi măng phía Nam (từ Bình Định đến Cà Mau), nơi HT1 chiếm khoảng 30% thị phần, tăng 10% đạt 3.6 triệu tấn.

Do đó, chúng tôi điều chỉnh tăng doanh số xi măng dự báo cho năm 2015 thêm 11% lên 5,4 triệu tấn. Tuy nhiên chúng tôi cũng hạ dự báo sản lượng bán clinker 25% còn khoảng 500 nghìn tấn theo kế hoạch kinh doanh của công ty. Chúng tôi được cho biết rằng xi măng rời cần nhiều hàm lượng clinker hơn, do đó lượng clinker bán ra sẽ sụt giảm.

Kết quả kinh doanh quý 1/2015 xác nhận sự thận trọng của kế hoạch kinh doanh của HT1. HT1 hướng đến biên EBITDA 22% so với mức 25% dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, dự theo ước tính của chúng tôi, biên EBITDA thực tế quý 1 vào khoảng 25%. Đáng chú ý, quý 1 thường là mùa sản xuất thấp điểm và chi phí cố định cho mỗi tấn xi măng cao hơn trong giai đoạn này. Các phân tích độ nhạy của chúng tôi cho thấy cứ mỗi 0,1% biên EBITDA gia tăng sẽ tương ứng với mức tăng EPS 1,2%.

Việc đồng EUR trượt giá và suy yếu kéo dài tiếp tục có lợi cho HT1 khi công ty đang có khoản nợ 70 triệu EUR. Trong quý 1/2015, đồng EUR đã giảm 10% so với VND, giúp công ty có mức lãi tỷ giá hơn 180 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi thay đổi mức trượt giá 3% của VND so với EUR còn 0%. Theo ước tính của chúng tôi, cứ mỗi 1% sụt giảm của đồng EUR so với VND sẽ giúp cho lợi nhuận của HT1 tăng 3%.

Giá mục tiêu mới 25.600 đồng tương ứng với PER mục tiêu 13,9 lần trong năm 2015. Dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) EPS 3 năm của chúng tôi ở mức 24%. EV/EBITDA tương ứng là 7,3 lần so với mức 12,3 lần của các công ty cùng ngành trong khu vực.

Các chỉ số chính	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Doanh thu (tỷ đồng)	5.824	6.369	6.758	7.634	8.138
LNST (tỷ đồng)	9	3	309	587	749
Biên LN gộp (%)	23,2%	22,4%	19,7%	22,9%	23,7%
Biên LN từ HĐ (%)	14,6%	15,9%	12,6%	16,1%	17,0%
Biên LNST (%)	0,2%	0,0%	4,6%	7,7%	9,2%
EPS, pha loãng hoàn toàn (đồng)	47	13	971	1.847	2.356
Tăng trưởng EPS (%)	N/A	N/M	N/M	90,3%	27,5%
GT doanh nghiệp (EV) / EBITDA	10,3	8,8	8,9	6,6	5,4
Giá CP / Dòng tiền tự do, theo giá TT	9,4	6,4	5,1	4,6	4,2
Giá CP / LN, theo giá TT	422,4	2475,1	20,3	11,3	8,9
Giá CP / GT sổ sách, theo giá TT	1,7	1,3	1,5	1,5	1,3
ROA (%)	0,1%	0,0%	2,4%	4,7%	6,2%
ROE (%)	0,5%	0,1%	8,9%	14,6%	15,9%
Nợ/CSH (%)	535%	257%	194%	141%	94%

Ghi chú: LNST = LN ròng sau thuế và sau lợi ích cổ đông thiểu số

Báo cáo tài chính

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
KQLN					
Doanh thu thuần	5.824	6.369	6.758	7.634	8.138
- Giá vốn hàng bán	-4.474	-4.939	-5.424	-5.887	-6.212
Lợi nhuận gộp	1.350	1.430	1.334	1.747	1.926
- Chi phí bán hàng	-393	-302	-321	-351	-374
- Chi phí quản lí DN	-109	-113	-164	-168	-171
LN thuần HĐKD	848	1.014	848	1.228	1.381
- (Lỗ) / lợi tỷ giá	-109	-270	70	-8	-41
- Lợi nhuận khác	84	34	0	3	3
EBIT	823	779	918	1.222	1.342
- Chi phí lãi vay	-822	-773	-523	-469	-406
Lợi nhuận trước thuế	2	5	396	753	936
- Thuế TNDN	8	-3	-87	-166	-187
LNST	9	3	309	587	749
- Lợi ích CĐ thiểu số	0	0	0	0	0
LN ròng	9	3	309	587	749
EBITDA	1.337	1.628	1.487	1.918	2.096
SL CP lưu hành (triệu)	198	318	318	318	318
SL CP pha loãng hoàn toàn (triệu)	198	202	318	318	318
EPS	47	8	971	1.847	2.356
EPS pha loãng hoàn toàn	47	13	971	1.847	2.356

	2012A	2013A	2014F	2015F	2016F
Tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu %	10,3	9,4	6,1	13,0	6,6
Tăng trưởng LN HĐKD %	-17,1	19,5	-16,3	44,7	12,5
Tăng trưởng EBIT %	3,6	-5,4	17,9	33,1	9,8
Tăng trưởng EPS %	N/A	N/M	N/M	90,3	27,5
Khả năng sinh lợi					
Biên LN gộp %	23,2	22,4	19,7	22,9	23,7
Biên LN từ HĐ %	14,6	15,9	12,6	16,1	17,0
EBITIDA %	14,1	12,2	13,6	16,0	16,5
EBT %	23,0	25,6	22,0	25,1	25,8
Biên LN ròng %	0,2	0,0	4,6	7,7	9,2
ROE %	0,5	0,1	8,9	14,6	15,9
ROA %	0,1	0,0	2,4	4,7	6,2
Chỉ số hiệu quả vận hành					
Số ngày tồn kho	90,5	71,6	65,4	62,0	62,8
Số ngày phải thu	16,2	18,3	23,6	25,4	26,2
Số ngày phải trả	97,7	69,9	70,3	66,0	66,9
TG luân chuyển tiền	9,0	20,0	18,7	21,4	22,1
Thanh khoản					
CS thanh toán hiện hành	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5
CS thanh toán nhanh	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
CS thanh toán tiền mặt	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0
Nợ/Tài sản	0,8	0,6	0,6	0,5	0,4
Nợ/Vốn sử dụng	0,8	0,7	0,7	0,6	0,5
Nợ/Vốn CSH	5,4	2,6	1,9	1,4	0,9
Khả năng thanh toán lãi vay	1,0	1,0	1,8	2,6	3,3

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Bảng CBKT					
Tiền và tương đương	190	202	219	153	163
Đầu tư TC ngắn hạn	4	5	36	36	36
Các khoản phải thu	261	376	497	565	602
Hàng tồn kho	951	986	959	1.041	1.098
TS ngắn hạn	201	104	15	15	15
Tổng TS ngắn hạn	1.608	1.673	1.726	1.809	1.914
TS dài hạn (gộp)	14.334	14.509	14.769	14.969	15.219
- Khấu hao lũy kế	-2.859	-3.459	-4.070	-4.761	-5.476
TS dài hạn (ròng)	11.475	11.050	10.699	10.209	9.743
Đầu tư TC dài hạn	28	56	56	56	56
TS dài hạn khác	203	341	181	181	181
Tổng TS dài hạn	11.706	11.447	10.936	10.446	9.980
Tổng Tài sản	13.314	13.120	12.662	12.255	11.894
Phải trả ngắn hạn	820	1.071	1.020	1.107	1.168
Vay và nợ ngắn hạn	2.603	2.498	2.110	1.899	1.838
Phải trả ngắn hạn khác	515	629	717	754	803
Nợ ngắn hạn	3.938	4.197	3.847	3.760	3.810
Vay và nợ dài hạn	7.490	5.726	5.097	4.182	2.980
Phải trả dài hạn khác	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	7.490	5.726	5.097	4.182	2.980
Tổng nợ	11.429	9.923	8.944	7.942	6.790
Vốn cổ phần ưu đãi	0	0	0	0	0
Vốn góp bổ sung	71	71	71	71	71
Vốn cổ phần	1.980	3.180	3.180	3.180	3.180
Lợi nhuận giữ lại	-165	-54	467	1.062	1.853
Lợi ích CĐTS	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.886	3.197	3.718	4.313	5.104
Tổng cộng nguồn vốn	13.314	13.120	12.662	12.255	11.894

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014F	2015F	2016F
Dòng tiền					
Tiền đầu năm	132	190	202	219	153
Lợi nhuận sau thuế	9	3	309	587	749
Khấu hao	486	617	639	691	716
Thay đổi vốn lưu động	260	270	-51	8	41
Điều chỉnh khác	37	297	100	-26	16
Tiền từ hoạt động KD	792	1.187	997	1.260	1.522
Chi mua sắm TSCĐ	-646	-319	-161	-200	-250
Đầu tư	7	6	-26	0	0
Tiền từ HĐ đầu tư	-640	-313	-186	-200	-250
Cổ tức đã trả	0	0	0	0	0
Tăng (giảm) vốn	0	0	0	0	0
Tăng (giảm) nợ ngắn/dài hạn	-94	-856	-1.016	-1.127	-1.262
Tiền từ hoạt động TC	-94	-856	-794	-1.127	-1.262
Tổng lưu chuyển tiền tệ	58	12	17	-66	10
Tiền cuối năm	190	202	219	153	163

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty, dự báo của VCSC

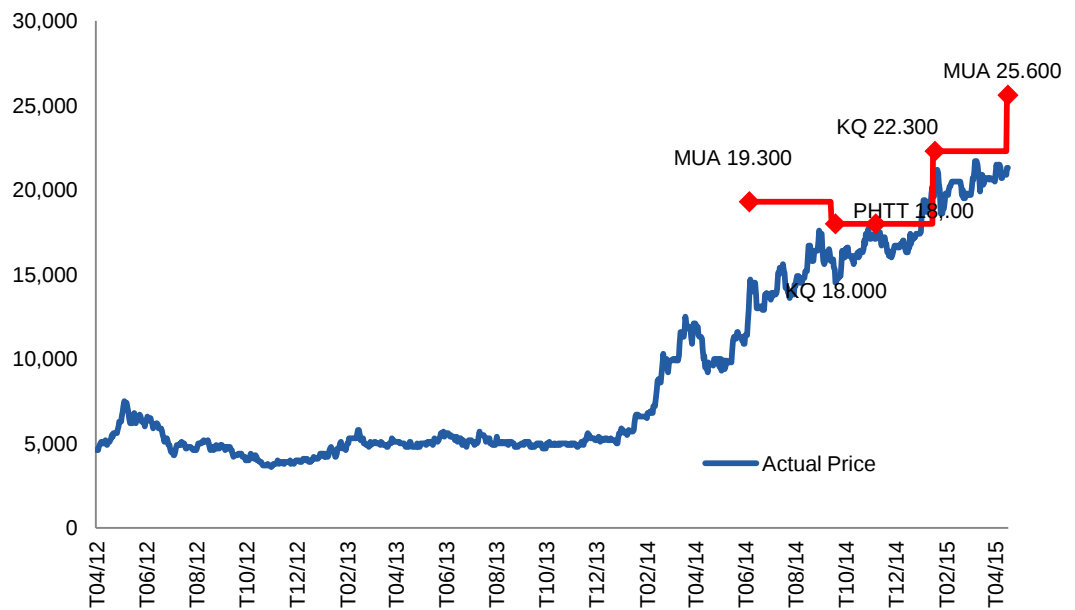
Kết quả kinh doanh (theo báo cáo)

2015	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD	Kế hoạch của HT1	Dự báo của VCSC
Doanh thu	1.600	N/A	N/A	N/A	1.600	7.159	7.634
LN gộp	355	N/A	N/A	N/A	355		1.747
Biên LN gộp (%)	22,2%	N/A	N/A	N/A	22,2%		22,9%
LN thuần HĐKD	246	N/A	N/A	N/A	246		1.228
Biên LN thuần HĐKD (%)	15,3%	N/A	N/A	N/A	15,3%		16,1%
LN ròng sau thuế	250	N/A	N/A	N/A	250	367	587
Biên LN ròng sau thuế (%)	15,6%	N/A	N/A	N/A	15,6%	5,1%	7,7%
2014	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	1.578	1.727	1.599	1.853	6.758		
LN gộp	341	287	259	447	1.334		
Biên LN gộp (%)	21,6%	16,6%	16,2%	24,1%	19,7%		
LN thuần HĐKD	251	160	137	300	848		
Biên LN thuần HĐKD (%)	15,9%	9,3%	8,6%	16,2%	12,6%		
LN ròng sau thuế	2	11	78	218	305		
Biên LN ròng sau thuế (%)	0,2%	0,6%	4,9%	11,7%	4,5%		
2013	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	1.152	1.870	1.581	1.766	6.369		
LN gộp	235	442	313	440	1.430		
Biên LN gộp (%)	20,4%	23,6%	19,8%	24,9%	22,4%		
LN thuần HĐKD	190	317	219	288	1.014		
Biên LN thuần HĐKD (%)	16,5%	16,9%	13,8%	16,3%	15,9%		
LN ròng sau thuế	1	1	-73	73	3		
Biên LN ròng sau thuế (%)	0,1%	0,1%	-4,6%	4,1%	0,0%		
2012	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD		
Doanh thu	1.161	1.689	1.426	1.549	5.824		
LN gộp	286	413	304	337	1.350		
Biên LN gộp (%)	24,6%	24,5%	21,3%	21,8%	23,2%		
LN thuần HĐKD	233	219	166	221	848		
Biên LN thuần HĐKD (%)	20,1%	12,9%	11,6%	14,3%	14,6%		
LN ròng sau thuế	0	0	-30	31	9		
Biên LN ròng sau thuế (%)	0,0%	0,0%	-2,1%	2,0%	0,2%		

Dự báo cho năm tài chính 2015

	2014	Dự báo 2015 (trước đây)	Dự báo 2015 (mới)	Tăng trưởng % (so với dự báo mới)	Ghi chú
Doanh thu thuần	6.758	7.616	7.634	0,2%	
Xi măng	6.179	6.806	6.995	2,8%	Tăng trưởng doanh số xi măng tăng lên 11% từ mức 8% (con số quý 1/2015 là 13%)
Clinker	443	671	500	(25,5%)	Tăng trưởng doanh số clinker giảm còn 25%
Khác	136	138	138	0,0%	
LN gộp	1.334	1.729	1.747	1,0%	
Cement	1.298	1.662	1.707	2,7%	
Clinker	70	110	82	(25,5%)	
Others	(36)	(42)	(42)	N/M	
Chi phí bán hàng & marketing	(321)	(350)	(351)	0,0%	
Chi phí hành chính	(164)	(168)	(168)	0,0%	
Phân bổ lợi thế thương mại	(46)	(46)	(46)	0,0%	
LN thuần HĐKD	848	1.211	1.218	0,6%	
LN không từ HĐKD	(46)	(62)	(8)	27,1%	
Lỗ tỷ giá (Phân bổ dần dần)	(208)	0	0	0,0%	
Lãi/lỗ tỷ giá (tăng/giảm so với VND)	70	(62)	(8)	27,1%	Mức trượt giá của VND so với EUR giảm từ 3% còn 0%
EBIT	918	1.152	1.222	6,1%	
Lãi vay	(523)	(469)	(469)	0,0%	
LN trước thuế	396	683	753	10,3%	
LN sau thuế	309	533	587	10,1%	
LN ròng sau thuế (sau khi chi CĐ thiểu số)	309	533	587	10,1%	
EBITDA	1.487	1.902	1.918	0,8%	
Biên LN gộp %	19,7%	22,7%	22,9%		
Biên LN gộp xi măng %	21,1%	24,4%	24,4%		
Biên LN gộp clinker %	15,8%	16,3%	16,3%		
Biên LN gộp khác %	-26,5%	-0,5%	-0,5%		
% Doanh số của CP bán hàng & marketing	4,8%	-4,6%	-4,6%		
% Doanh số của chi phí hành chính	2,4%	-2,2%	-2,2%		
Biên LN thuần HĐKD %	12,1%	15,9%	16,1%		
Biên EBIT %	13,6%	15,1%	15,1%		
Biên EBITDA %	22,0%	25,0%	25,1%		
Biên LN ròng sau thuế %	4,6%	7,0%	7,7%		
Thuế suất thực tế %	22%	22,0%	22,0%		

Lịch sử khuyến nghị



Vui lòng xem Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC ở trang sau

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Dương Mỹ Thanh, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 20%
KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Nếu giá mục tiêu cao hoặc thấp hơn giá thị trường 10%
KÉM KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 10%-20%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, ví dụ như khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn M&A hay tư vấn chiến lược nào đó liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu này bị hoãn lại vì chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Giá mục tiêu: Trong hầu hết trường hợp, giá mục tiêu sẽ tương ứng với đánh giá của chuyên viên phân tích về giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu. Giá mục tiêu là mức giá cổ phiếu nên được giao dịch ở hiện tại nếu thị trường đồng ý quan điểm của chuyên viên phân tích và có những yếu tố xúc tác cần thiết để tạo ra sự thay đổi nhận thức trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, nếu chuyên viên phân tích tin rằng thời hạn xác định sẽ không có tin tức, sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy cần thiết để cổ phiếu có thể đạt đến giá trị hợp lý thì giá mục tiêu có thể khác với giá trị hợp lý. Vì thế, trong hầu hết trường hợp, khuyến nghị của chúng tôi chỉ là đánh giá sự chưa phù hợp giữa giá thị trường hiện tại và giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu theo quan điểm của chúng tôi.

Phương pháp định giá: Để xác định giá mục tiêu, chuyên viên phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp định giá khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do và định giá so sánh. Việc lựa chọn phương pháp tùy thuộc vào từng ngành, công ty, tính chất cổ phiếu và nhiều yếu tố khác. Kết quả định giá có thể dựa trên một hoặc kết hợp nhiều phương pháp sau: 1) **Định giá dựa trên nhiều chỉ số** (P/E, P/CF, EV/doanh thu, EV/EBIT, EV/EBITA, EV/EBITDA), so sánh nhóm công ty và dựa vào số liệu quá khứ; 2) **Mô hình chiết khấu** (DCF, DVMA, DDM); 3) **Phương pháp tính tổng giá trị các thành phần** hoặc các phương pháp định giá dựa vào tài sản; và 4) **Phương pháp định giá sử dụng lợi nhuận kinh tế** (Lợi nhuận thặng dư, EVA). Các mô hình định giá này phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá, nguyên liệu với các giả định khác về nền kinh tế cũng như những rủi ro vốn có trong công ty đang xem xét. Ngoài ra, tâm lý thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến việc định giá công ty. Quá trình định giá còn căn cứ vào những kỳ vọng có thể thay đổi nhanh chóng mà không cần thông báo, tùy vào sự phát triển riêng của từng ngành.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP. HCM
+84 8 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 4 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Giám đốc

Vũ Thanh Tú
tu.vu@vcsc.com.vn

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 8 3914 3588
research@vcsc.com.vn

Trưởng phòng cao cấp, Ngô Hoàng Long

Trưởng phòng cao cấp, Anirban Lahiri

Trưởng phòng, Nguyễn Đức Tuấn

CV cao cấp, Đặng Văn Pháp

CV cao cấp, Đinh Thị Thùy Dương

CV PTKT cao cấp, Nguyễn Thế Minh

Chuyên viên, Ngô Đăng Quế

Chuyên viên, Dương Mỹ Thanh

Chuyên viên, Nguyễn Thảo Vy

Chuyên viên, Nguyễn Thị Anh Đào

Chuyên viên, Ngô Thùy Trâm

Chuyên viên, Nguyễn Thị Kim Chung

Chuyên viên, Nguyễn Ngọc Hoàng Hải

Chuyên viên, Văn Đình Vỹ

Chuyên viên, Trần Minh Đức

Chuyên viên, Văn Đình Phong

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Tổ chức nước ngoài

Michel Tosto, M. Sc.
+84 3914 3588, ext 102
michel.tosto@vcsc.com.vn

Tổ chức trong nước

Nguyễn Quốc Dũng
+84 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Tp. Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh
+84 8 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vcsc.com.vn

Hà Nội

Nguyễn Huy Quang
+84 4 6262 6999, ext 312
quang.nguyen@vcsc.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.